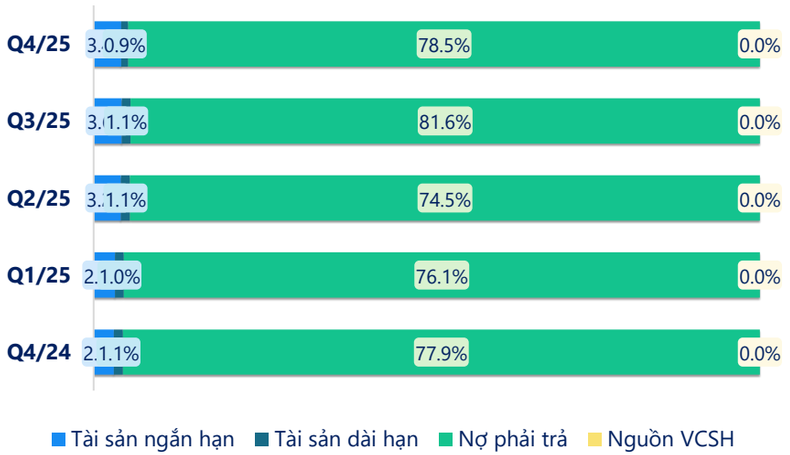
FireAnt

Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX: OCB)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,379
SL cổ phiếu LH	2,663,052,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,844,029
% sở hữu nước ngoài	19.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31,823
P/E	7.9
EPS	1,513

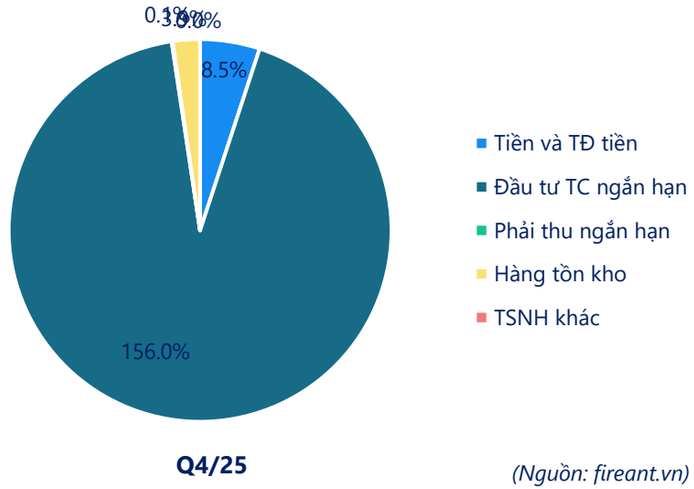
	YTD	1T	3T	6T
OCB	23.1%	-4.8%	-7.4%	10.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



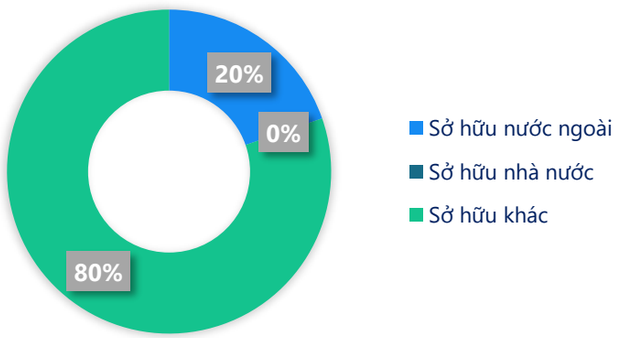
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



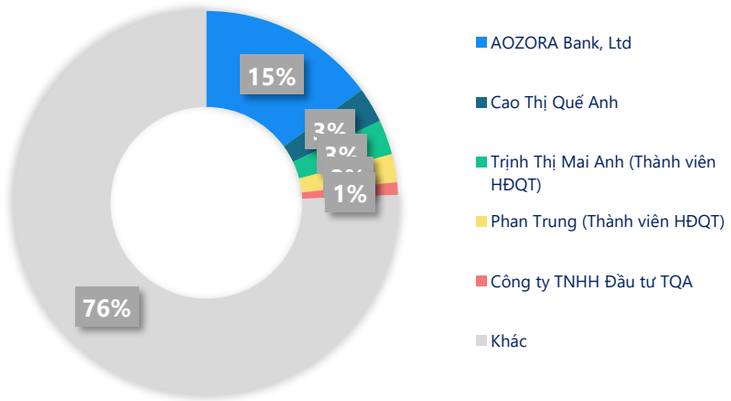
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



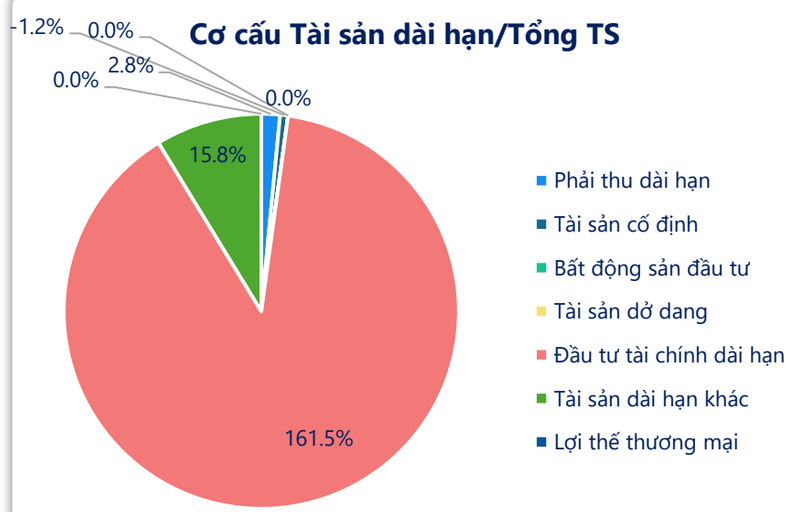
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

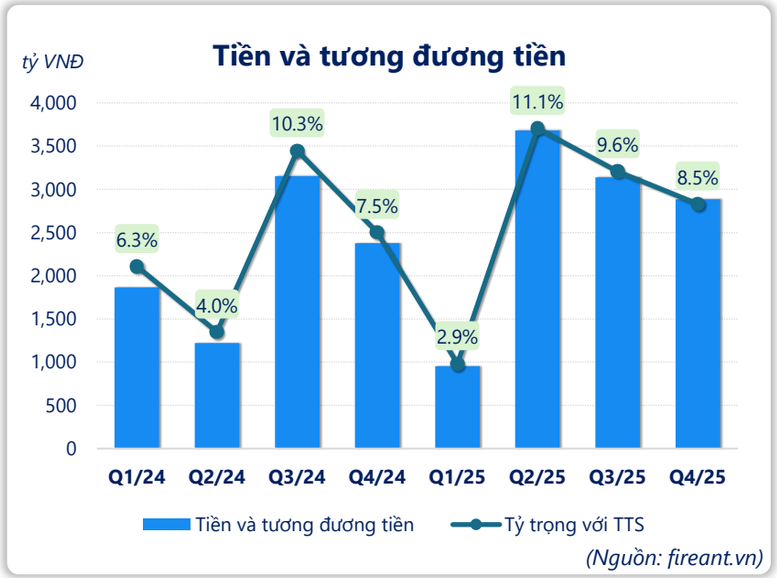
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



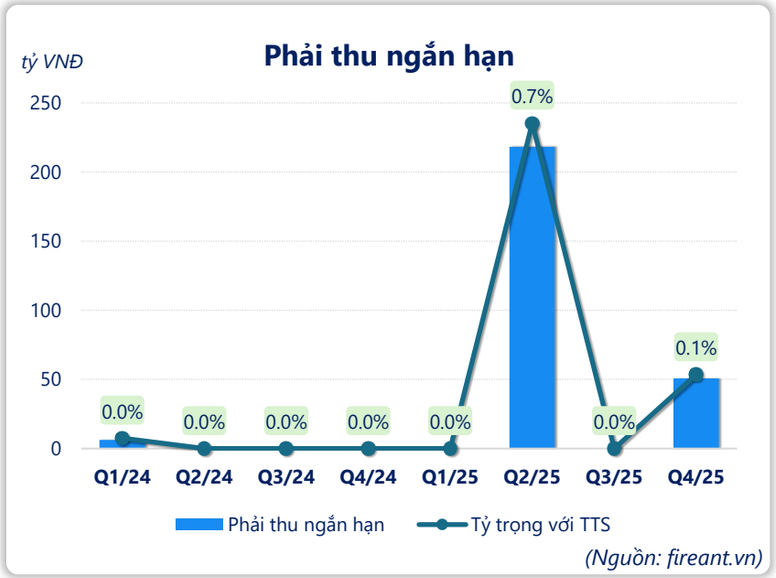
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

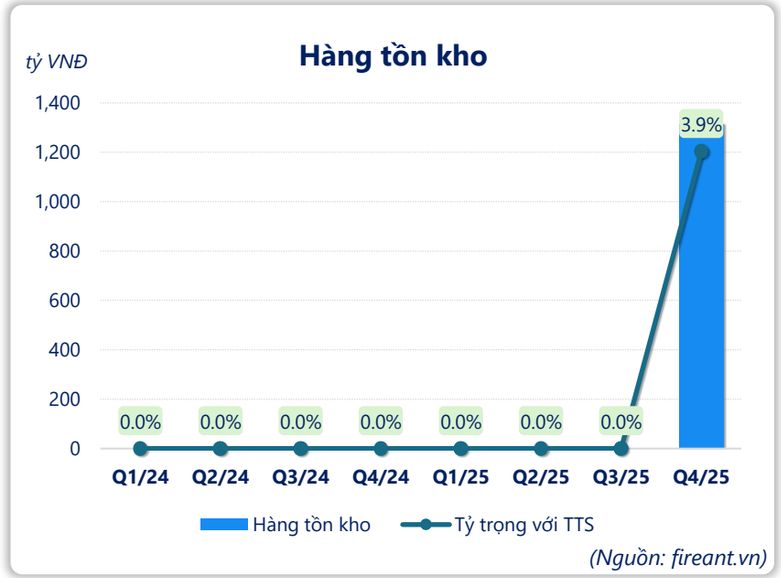
Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX: OCB)



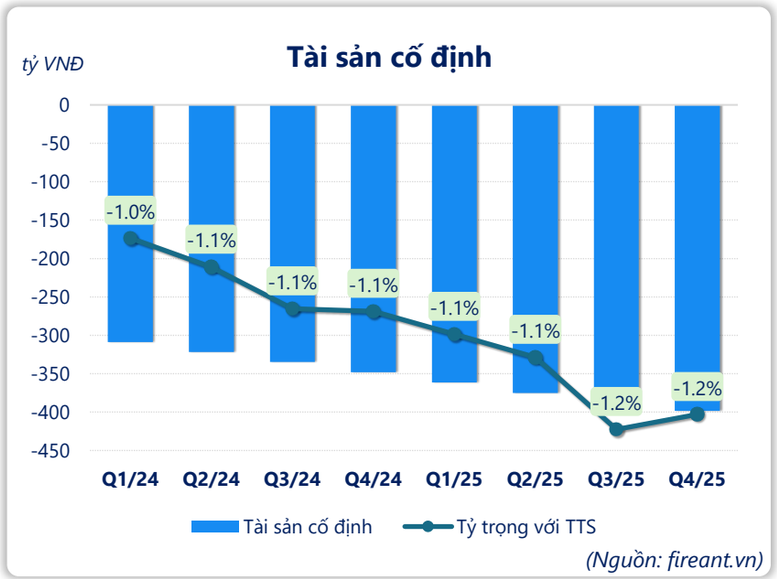
(Nguồn: fireant.vn)



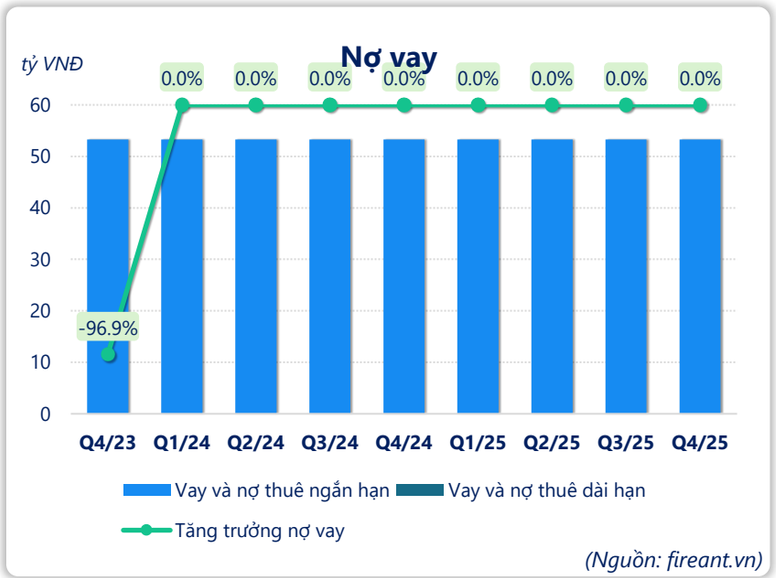
(Nguồn: fireant.vn)



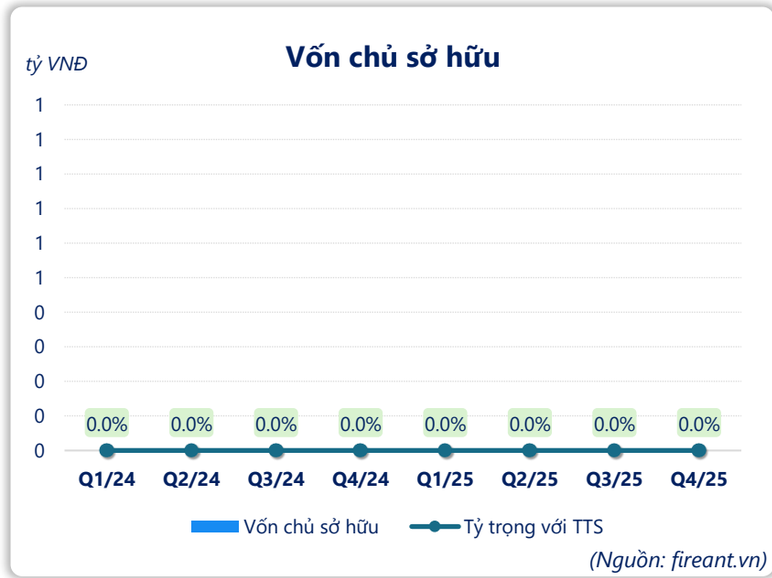
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

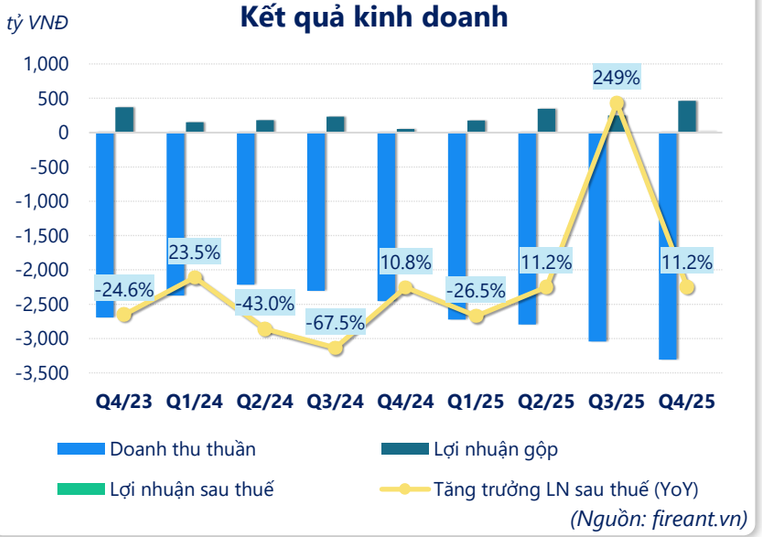


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

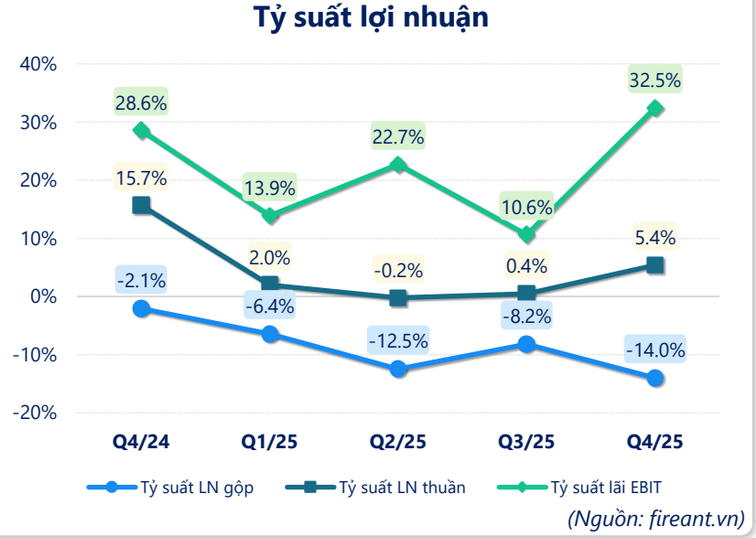
Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX: OCB)

Kết quả kinh doanh



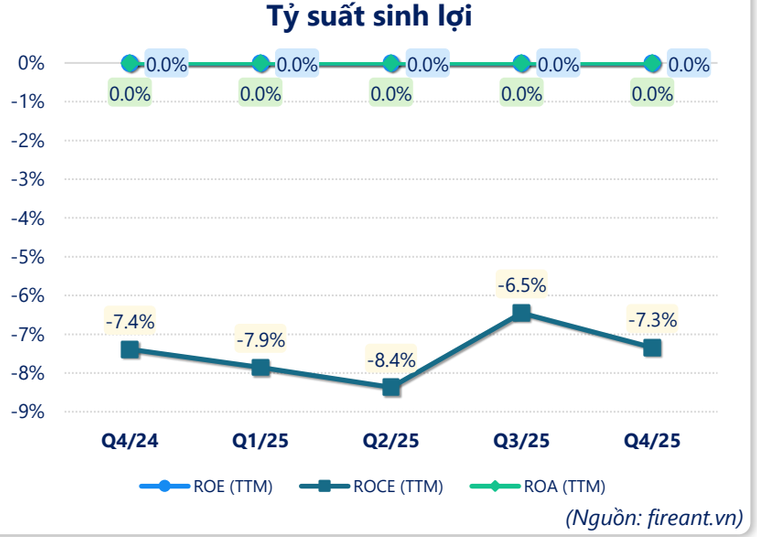
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



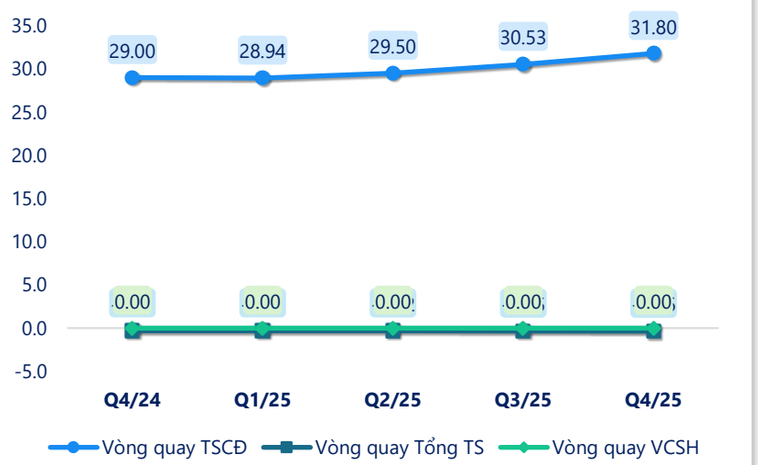
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



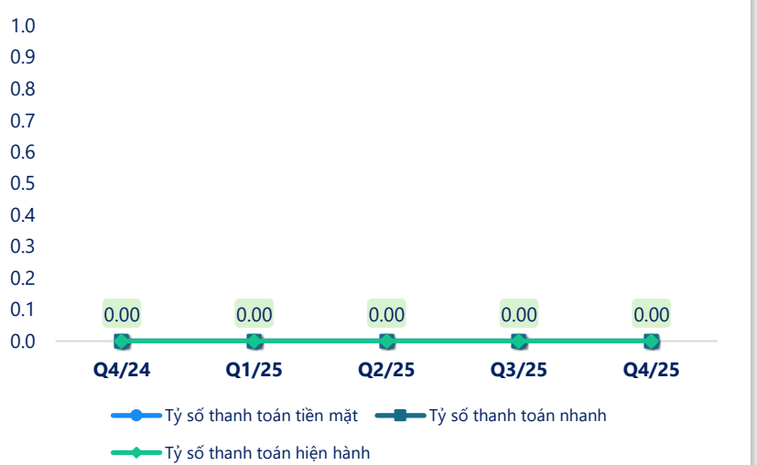
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



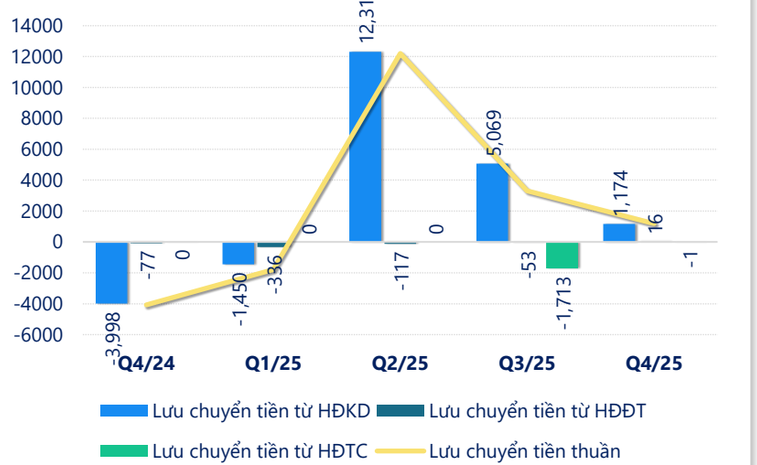
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX: OCB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**33,943**	**31,671**	**7.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,160	788	47.3%
Tiền và tương đương tiền	2,883	2,377	21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52,952	38,923	36.0%
Phải thu ngắn hạn	50.8	0	
Hàng tồn kho	1,313	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**298**	**341**	**-12.6%**
Phải thu dài hạn	936	898	4.2%
Tài sản cố định	-398	-348	-14.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	54,810	43,798	25.1%
Tài sản dài hạn khác	**5,361**	**7,795**	**-31.2%**
Lợi thế thương mại	0	0.99	-100%
Nợ phải trả	26,631	24,658	8.0%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.3	53.3	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-2,454	-2,722	-2,796	-3,042	-3,309
Giá vốn hàng bán	463	131	297	185	398
Lợi nhuận gộp	50.9	175	349	249	463
Doanh thu HĐTC	-46.8	-43.8	-51.9	-63.8	-65.5
Chi phí TC	22.3	7.02	104	66.2	38.6
Chi phí lãi vay	1.92	0.04	-0.98	0.12	-44.6
LN trong công ty LKLD	-66.1	-99.7	-100	-5.11	-23.9
Chi phí bán hàng	142	71.7	163	260	917
Chi phí QLDN	527	125	156	273	1,096
LN thuần từ HĐKD	-384	-53.2	6.31	-13.4	-179
Lợi nhuận khác	2,156	1,271	1,633	1,862	2,645
LN trước thuế	-703	-378	-634	-324	-1,029
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	9.15
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3,998	-1,450	12,319	5,069	1,174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.3	-336	-117	-53.0	16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	0	-1,713	-1.27
Tiền đầu kỳ	46,142	42,088	40,306	52,471	55,806
Lưu chuyển tiền thuần	**-4,075**	**-1,786**	**12,201**	**3,303**	**1,189**
Ảnh hưởng tỷ giá	21.4	4.72	-37.0	32.2	0.07
Tiền cuối kỳ	42,088	40,306	52,471	55,806	56,995

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic